

Bản án số: 40/2019/DS-ST

Ngày: 17-10-2019

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Cường
2. Ông Nguyễn Văn Phẩm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hoàng Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hữu Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 83/2018/TLST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thu T, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: ấp PTB, xã NP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: ấp PTB, xã NP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của ông Đ: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1962 (Theo văn bản ủy quyền ngày 30 tháng 11 năm 2018)

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông **Phạm Trung Đ1** – Văn phòng luật sư PTĐ – Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ: Số 7, đường L, Khóm 1, thị trấn C, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/8/2018 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 29/10/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thu T trình bày: Nguyên từ ngày 14/5/2013 nhằm ngày 05/4/2013 (âm lịch) đến ngày 19/01/2014 nhằm ngày 19/12/2013 (âm lịch), bà có cho bà Nguyễn Thị Thu H vay tổng số tiền là 30.000.000 đồng với mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 03%/tháng, mục đích vay bổ sung vốn đốt lò gạch, thời hạn vay là 30 ngày kể từ

ngày vay tiền. Khi vay bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nhận đủ số tiền là 30.000.000 đồng, viết biên nhận, ký và ghi họ tên vào biên nhận theo hợp đồng mượn tiền. Cụ thể: Ngày 14/5/2013 nhằm ngày 05/4/2013 âm lịch, bà cho bà H vay số tiền là 10.000.000 đồng. Ngày 19/01/2014 nhằm ngày 19/12/2013 âm lịch, bà cho bà H vay số tiền 20.000.000 đồng. Sau khi vay, bà H không đóng lãi cho bà như đã thỏa thuận. Đến hạn không trả vốn cũng không đóng lãi nên bà đã nhiều lần gặp trực tiếp và điện thoại yêu cầu bà H trả vốn và đóng lãi cho bà như đã thỏa thuận nhưng bà H cứ khất hẹn hết lần này đến lần khác, đến nay vẫn không thực hiện làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Do đó bà khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H và chồng là ông Đặng Văn Đ có nghĩa vụ liên đới cùng trả cho bà số tiền 30.000.000 đồng theo hai hợp đồng nêu trên. Biên nhận ngày 19/01/2014 nhằm ngày 19/12/2013 âm lịch, phần nội dung viết tay là bà T viết, phần ký và ghi họ tên Nguyễn Thị Thu H là do bà H ký và viết tên. Bà T không yêu cầu tính lãi. Cả hai lần vay đều do một mình bà H ký tên và nhận tiền, ông Đ không có mặt, nhưng ông Đ biết mặc dù hợp đồng ngày 05/4/2013 âm lịch có ghi lý do mượn là làm vốn đốt còn hợp đồng ngày 19/12/2013 phần lý do mượn bỏ trống nhưng cả hai lần bà H mượn tiền đều sử dụng làm vốn đốt lò, ông Đ đều biết.

Quá trình giải quyết bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Bà thừa nhận biên nhận ngày 05/4/2013 âm lịch nhằm ngày 14/5/2013 dương lịch bà có vay của bà T 10.000.000 đồng sử dụng cá nhân bà, không có sử dụng chung trong gia đình, chữ ký và chữ viết trong biên nhận là chữ ký của bà, nhưng sau khi vay chưa tới 30 ngày bà đã trả rồi số tiền vay cho bà T rồi nhưng chỗ chị em nên bà chỉ kêu bà T xé giấy biên nhận, bà T cũng nói đã xé rồi nên bà không có lấy biên nhận lại. Bà T nói bà mượn tiền làm đốt lò là không đúng vì năm 2016 bà đã nghỉ đốt lò, nếu thật sự bà có mượn thì bà T đã đòi bà từ năm 2016 chứ không phải để đến nay mới đòi. Theo các biên hòa giải trước phần trình bày của bà là sử dụng làm vốn đốt lò do ghi thư ký ghi nhầm bà không đọc rõ, chứ nội dung phía dưới bà đã không thừa nhận. Bà không thừa nhận biên nhận vay 20.000.000 đồng ngày 19/01/2014 nhằm ngày 19/12/2013 âm lịch, chữ ký và chữ viết trong biên nhận này không phải là chữ ký và chữ viết của bà, bà đã được Tòa án công khai kết luận giám định số: 381/KLGD-PC09 ngày 08/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long kết luận giám định: chữ ký, chữ viết họ và tên “Nguyễn Thị Thu H” dưới mục “bên vay mượn” trên tài liệu cần giám định và chữ ký họ tên “Nguyễn Thị Thu H” trên các tài liệu mẫu so sánh là cùng một người ký và viết ra, tức là của bà nên bà đồng ý trả cho bà T số tiền vay 30.000.000 đồng theo hai hợp đồng mượn tiền nêu trên, ông Đ không biết hai khoản vay này, lý do vay tiền là do bà T viết sẵn đưa bà ký, nên ông Đ không có trách nhiệm cùng trả với bà.

Tại bản khai ngày 19 tháng 8 năm 2019 người có quyền và nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Văn Đ trình bày: cho rằng số tiền bà H vay của bà T chỉ có bà và bà T thỏa thuận, ông Đ không biết các khoản vay này, theo bà T cho rằng bà H vay tiền sử dụng làm vốn đốt lò hoàn toàn không có, bà H vay tiền để tiêu xài cá nhân, ông hoàn toàn không biết. Do đó theo yêu cầu của bà T, ông Đ không đồng ý cùng bà H liên đới trả cho bà T số tiền 30.000.000 đồng theo hai biên nhận ngày 05/4/2013 và 19/12/2013 âm lịch.

Bà Nguyễn Thị Thu H trình là người đại diện theo ủy quyền cho người có quyền và nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Văn Đ trình bày: thống nhất ý kiến trình bày của bà H, không đồng ý liên đới cùng bà H trả số tiền 30.000.000 đồng cho bà T.

Tại phiên tòa hôm nay các đương sự đều giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến trình bày không bổ sung gì thêm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho bị đơn đề nghị chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của bà T. Buộc bà H trả cho bà T số tiền 30.000.000 đồng, đề nghị không chấp nhận yêu cầu của bà T về việc yêu cầu ông Đ có trách nhiệm liên đới cùng bà H trả số tiền nêu trên cho bà T.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán; Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, việc thu thập chứng cứ và thực hiện mở phiên tòa bảo đảm đúng thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thu T. Buộc bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 30.000.000 đồng.

Về án phí: các đương sự nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thu T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Nguyễn Thị Thu H, ông Đặng Văn Đ theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bà H, ông Đ có nơi cư trú tại ấp PTB, xã NP, huyện MT nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thị lý giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thu T yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H và ông Đặng Văn Đ liên đới trả cho bà số tiền gốc 30.000.000 đồng theo hai hợp đồng mượn ngày 05/4/2013 âm lịch và ngày 19/12/2013 âm lịch, không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Bà H không thừa nhận hợp đồng mượn số tiền 20.000.000 ngày 19/12/2013 âm lịch nhưng tại biên bản hòa giải ngày 22/8/2019 và tại phiên tòa hôm nay bà cho rằng kết quả của cơ quan giám định kết luận chữ ký và chữ viết trong hợp đồng mượn tiền nêu trên là của bà và bà đồng ý với kết quả giám định, đồng ý trả cho bà T số tiền 20.000.000 đồng. Đối với hợp đồng mượn tiền ngày 05/4/2013 âm lịch số tiền 10.000.000 đồng bà thừa nhận có vay và đã trả rồi nhưng không lấy biên nhận lại là lỗi của bà nên bà cũng đồng ý trả cho bà T. Như vậy bà H đồng ý trả cho bà T tổng cộng 30.000.000 đồng, nhưng không đồng ý để ông Đ có trách nhiệm liên đới cùng bà trả số tiền nêu trên cho bà T.

-Xét về trách nhiệm liên đới :

+ Đối với hợp đồng mượn tiền ngày 05/4/2013 âm lịch số tiền 10.000.000 đồng, bà T cho rằng số tiền bà H vay để vợ chồng bà H, ông Đ làm vốn đốt lò còn bà H cho rằng số tiền này chỉ có bà và bà T thỏa thuận, ông Đ

không hay biết khoản vay này, lý do vay tiền là do bà T viết sẵn đưa bà ký, bà sử dụng để tiêu xài cá nhân bà, không có sử dụng chung trong gia đình.

+ Hợp đồng mượn tiền ngày 19/12/2013 âm lịch với số tiền là 20.000.000 đồng bà H không thừa nhận đối với khoản vay này nhưng đồng ý kết quả giám định và đồng ý trả cho bà T số tiền nêu trên. Theo hợp đồng mượn tiền này thì phần lý do mượn bỏ trống, phần dưới mục người mượn chỉ có bà H ký tên.

+Mặt khác tại bản khai ý kiến ngày 19 tháng 8 năm 2019 ông Đ cho rằng ông không biết khoản vay nào của bà T cả, bà H vay để tiêu xài cá nhân, do đó ông không đồng ý liên đới cùng bà H trả cho bà T số tiền 30.000.000 đồng theo yêu cầu của bà T.

Ngoài ra thì bà T không có chứng cứ chứng minh việc vay mượn tiền giữa bà và bà H là ông Đ biết và đồng ý.

Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì các giao dịch do một bên thực hiện mà không đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình thì giao dịch đó không phải là nghĩa vụ chung của vợ chồng. Do đó việc vay mượn tiền giữa bà H và bà T là giao dịch của cá nhân bà H, nội dung giao dịch là sử dụng vốn đột lò nhưng không có sự đồng ý của ông Đ nên đây không phải là giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Đồng thời bà T không chứng minh được bà H vay tiền sử dụng vào nhu cầu thiết yếu của gia đình vì vậy việc bà T yêu cầu ông Đặng Văn Đ liên đới cùng bà H trả số tiền 30.000.000 đồng là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thu T. Buộc bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 30.000.000đồng.

Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về chi phí giám định: Căn cứ Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp 2.630.000 đồng.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp 5% án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền buộc phải trả cho bà T (30.000.000đồng x 5%) bằng 1.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 27, Điều 30, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thu T.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thu T số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về chi phí giám định: Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp 2.630.000 đồng (Hai triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng). Bà T đã nộp xong nên buộc bà H nộp để hoàn trả cho bà T.

3/ Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thu T số tiền 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số N⁰ 0006654 ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân huyện MT.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAT;
- VKSND huyện MT;
- THADS huyện MT;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Tám